

Bản án số: 798/2020/HS-PT

Ngày: 21 - 12 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Xuân Minh;

Ông Hoàng Minh Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 316/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ V; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 179/2020/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo:**

1/. **Lý Thị Hương L**, giới tính: nữ; sinh ngày 22/8/1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường B, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Lý Minh Tr và bà Nguyễn Thị H; Có chồng (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 1988); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2004 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 11 năm tù về tội “Môi giới mại dâm” và “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép”, ngày 17/01/2009 được đặc xá; Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 19/12/2012; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

2/. **Nguyễn Thị T**, giới tính: nữ; sinh ngày 15/8/1958 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường Ng, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12;

nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị K; Có 02 con (lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1982); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3/. **Nguyễn Thị Mỹ V**, giới tính: nữ; sinh ngày 15/2/1991 tại tỉnh Quảng Nam; Thường trú: thôn D, xã Q1, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở: đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn N và bà Ngô Thị H; Có chồng là Nguyễn H và 01 con (sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ V: Luật sư Nguyễn Trung T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/6/2017, Nguyễn Thị Mỹ L1 bị Cơ quan điều tra, Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố và bắt tạm giam 03 tháng về tội “Môi giới mại dâm”. Nguyễn Thị Mỹ V (là chị ruột của L1) đã đến gặp Lý Thị Hương L và kể cho L biết việc L1 bị bắt. L nhận lời giúp V chạy án cho L1 được tại ngoại và hưởng án treo với giá 450.000.000 đồng. V đã giao cho L 02 lần tiền tổng cộng 450.000.000 đồng (vào ngày 01/9/2017 và ngày 11/10/2017, L có viết biên nhận).

Sau khi nhận tiền từ V, L được Vũ Văn H (anh rể L) giới thiệu gặp Nguyễn Thị T để nhờ T giúp, do H quen biết T từ trước (H được T cho biết là T có thể giúp được các vấn đề về pháp luật, công an). Ngày 11/10/2017, L đến nhà T. địa chỉ nhà không số, kế bên nhà đường L, phường B, quận B1. Đi cùng L có Lý Duy Q (là con trai của L) và Vũ Văn H. Tại đây, L đã giao cho T số tiền là 250.000.000 đồng để T gặp và đưa tiền cho Điều tra viên nhằm mục đích giúp Nguyễn Thị Mỹ L1 được tại ngoại và hưởng án treo khi xét xử. Việc giao tiền giữa L và T có sự chứng kiến của H và Q, đồng thời có anh Nguyễn Đức Tr (là người yêu của con gái T) phụ T đếm tiền.

Ngày 13/10/2017, Nguyễn Thị Mỹ L1 được Viện kiểm sát nhân dân quận T thay thế biện pháp ngăn chặn, từ tạm giam sang cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 27/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận T ra Cáo trạng truy tố Nguyễn Thị Mỹ L1 về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Ngày 14/12/2017, Tòa án nhân dân quận T đưa vụ án ra xét xử, tuyên phạt L1 03 năm tù giam. Do L1 không được xử án treo nên V gặp T để đòi lại tiền, nhưng T cho rằng số tiền T nhận được từ L, T đã chuyển cho Điều tra viên Trương Khánh D, nên không đồng ý trả lại. Do vậy, ngày 05/02/2018 Nguyễn Thị Mỹ V nộp đơn tố cáo Lý Thị Hương L có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V, Lý Thị Hương L và Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, Lý Thị Hương L khai nhận: Có nhờ ông Vũ Văn H (là anh rể của L) giới thiệu gặp Nguyễn Thị T. L trực tiếp gặp và thỏa thuận với T việc chạy án cho L1 được tại ngoại và hưởng án treo. Lúc đến đưa tiền cho T, L có nhờ H cùng đi để chứng kiến việc giao nhận tiền, còn việc thỏa thuận chạy án thì L trực tiếp trao đổi với T, H không tham gia.

Nguyễn Thị T khai: Sau khi thỏa thuận và nhận lời chạy án cho Nguyễn Thị Mỹ L1 với Lý Thị Hương L, T có đến trụ sở Công an quận T, tự xưng là chị chồng của L1, để tiếp cận Điều tra viên Trương Khánh D là người đang thụ lý vụ án và đặt vấn đề cho L1 được tại ngoại, D yêu cầu T đóng số tiền khắc phục hậu quả 250.000.000 đồng thì L1 được về nhà. Khoảng tháng 10/2017, T có đến phòng làm việc của Điều tra viên D đưa cho D trước số tiền 100.000.000 đồng và sau đó 03 ngày thì L1 được tại ngoại. Hai ngày sau khi L1 được tại ngoại, T chủ động điện thoại cho D để hẹn đưa số tiền còn lại và T đến phòng làm việc của D đưa tiếp cho D số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên việc T đưa tiền cho D không ghi biên nhận, không có ai chứng kiến và không có tài liệu, chứng cứ gì khác.

Vũ Văn H khai: H quen biết Nguyễn Thị T đã lâu và T nói với H là có thể giúp các vấn đề liên quan đến pháp luật. Do đó, khi Lý Thị Hương L (là em vợ H), nói có việc cần giúp cho người bị Công an quận T bắt giữ được tại ngoại và hưởng án treo, nên H có đưa L qua gặp T, nhờ T giúp. Việc trao đổi cụ thể giữa L và T, H không tham gia, H chỉ chứng kiến việc L đưa số tiền 250.000.000 đồng cho T vào ngày 11/10/2017, khi L đưa tiền cho T thì H xác định T có nói số tiền 250.000.000 đồng T nhận là để lo cho L1 tại ngoại và được hưởng án treo khi xét xử. H xác định không được nhận lợi ích gì.

Lý Duy Q, Nguyễn Đức Tr khai chứng kiến việc L giao cho T số tiền 250.000.000 đồng, nhưng không tham gia vào việc chạy án.

Trương Khánh D là Điều tra viên, thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, là người được phân công thụ lý điều tra vụ án Nguyễn Thị Mỹ L1 phạm tội “Môi giới mại dâm”. D xác định: đã thực hiện việc điều tra vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Nguyễn Thị T có đến phòng làm việc của D, tự xưng là người nhà của bị can L1, xin được gặp mặt bị can. T có đặt vấn đề với D xin cho L1 tại ngoại, nhưng D trả lời là không có thẩm quyền giải quyết, D khẳng định không nhận tiền hay bất cứ lợi ích vật chất nào khác từ T. Việc Nguyễn Thị Mỹ L1 được tại ngoại là do Viện kiểm sát nhân dân quận T quyết định.

Ngày 06/9/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định số 1112/KLGD-TT, kết luận chữ ký và chữ viết Hương L và Nguyễn Thị Mỹ V trên 2 Giấy thỏa thuận đề ngày 01/9/2017 và 11/10/2017 là do Nguyễn Thị Mỹ V và Lý Thị Hương L viết và ký.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 179/2020/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lý Thị Hương L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Môi giới hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 03 (ba) năm tù về tội “Môi giới hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V 02 (hai) năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét hành vi của Vũ Văn H có dấu hiệu phạm tội “Môi giới hối lộ” với vai trò đồng phạm với các bị cáo Lý Thị Hương L và Nguyễn Thị T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 16/6/2020, bị cáo Lý Thị Hương L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/6/2020, bị cáo Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22/6/2020, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V thay đổi kháng cáo, xin được hưởng án treo với lý do đang nuôi con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị T phạm tội “Môi giới hối lộ”, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V phạm tội “Đưa hối lộ” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, bị cáo L có nhân thân xấu; các bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt mức án phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ V trình bày: Mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo T, V là quá nặng. Bị cáo T đã khắc phục số tiền 250.000.000 đồng; hiện tại hoàn cảnh khó khăn, bị cáo phải nuôi cháu nhỏ, có dấu hiệu bị tự kỷ. Bị cáo V phải nuôi con nhỏ, phạm tội do muốn lo cho em gái. Các bị cáo đều có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Lý Thị Hương L trình bày hiện bị cáo bị bệnh nặng, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện chữa bệnh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Mỹ V làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Thị Mỹ V đã thỏa thuận và đưa cho Lý Thị Hương L số tiền 450.000.000 đồng để L đưa cho người có thẩm quyền tại cơ quan tiến hành tố tụng giúp cho Nguyễn Thị Mỹ L1 (em gái của Nguyễn Thị V) được tại ngoại trong quá trình điều tra vụ án “Môi giới mại dâm” tại Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. L nhận số tiền trên từ V; sau đó L thỏa thuận và đưa lại cho Nguyễn Thị T 250.000.000 đồng để T lo việc xin cho L1 tại ngoại.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V phạm tội “Đưa hối lộ” theo điểm e khoản 2 Điều 364; bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị T phạm tội “Môi giới hối lộ” theo điểm g khoản 2 Điều 365 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp, gây mất lòng tin của nhân dân về hoạt động của các cơ quan nhà nước. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo phạm tội theo điểm e khoản 2 Điều 364 và điểm g khoản 2 Điều 365 Bộ luật hình sự 2015, có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V và Nguyễn Thị T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; từ đó xử phạt bị cáo L 03 năm 06 tháng tù, bị cáo T 03 năm tù và bị cáo V 02 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị Mỹ V không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo T đã nộp số tiền 250.200.000 đồng để thi hành quyết định bản án sơ thẩm; thể hiện bị cáo đã ăn năn, hối cải. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, giúp bị cáo an T cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị Mỹ V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị Mỹ V. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 179/2020/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Tuyên bố bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị T phạm tội “Môi giới hối lộ” bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V phạm tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lý Thị Hương L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 365; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ V 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 250.200.000 đồng theo biên lai thu số 0092551 ngày 14/9/2020 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lý Thị Hương L, Nguyễn Thị Mỹ V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Hoàng Minh Thịnh**

**Trần Xuân Minh**

**Trần Thị Thu Thủy**